

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HC-ST

Ngày: 11-10-2019

V/v khiếu kiện quyết định giải
quyết khiếu nại trong lĩnh vực
quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hoàng
2. Ông Nguyễn Minh Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Nguyệt Quỳnh Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST-HC ngày 14 tháng 01 năm 2019 về khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HC ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn S – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Lệ T, sinh năm 1971 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T. (Theo Văn bản ủy quyền số 352/GUQ-UBND ngày 08/10/2019)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1980 – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T.

Cùng địa chỉ: Đường N, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Đường 30/4, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1977 - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Quốc lộ 30, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn B, sinh năm 1980 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. (Theo Giấy ủy quyền số 05/GUQ-UBND ngày 10/10/2019)

Địa chỉ: Xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa, ông D vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện ngày 04/12/2018, người khởi kiện Nguyễn Thị L trình bày: Năm 2002, gia đình bà có khai hoang thửa đất có diện tích 6.800m² trên bờ sông S, thuộc xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, để canh tác nuôi sống gia

đình. Gia đình bà đã sử dụng thửa đất này từ năm 2002 cho đến nay. Năm 2015, thửa đất trên bị quy hoạch làm lộ tuyến tuần tra Biên giới với diện tích 1.800m². Bà có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đề nghị được bồi thường diện tích 1.800m².

Ngày 31/12/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1407/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu bồi thường đất cho gia đình bà.

Bà có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23/10/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 337/QĐ-UBND-ND tiếp tục không chấp nhận khiếu nại của gia đình bà, giữ nguyên Quyết định số 1407/QĐ-UBND-ND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Nay bà yêu cầu hủy Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định số 337/QĐ-UBND-ND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Tại Văn bản ý kiến số 54/UBND-NC ngày 15/02/2019 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Ngoài các chứng cứ cung cấp đã nêu tại Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T không cung cấp gì thêm.

Đề nghị Tòa án nhân dân Tỉnh xem xét giữ y Quyết định số 1407/QĐ-UBND.NĐ ngày 31 tháng 12 năm 2015 là phù hợp theo quy định của pháp luật, vì việc khiếu nại của bà Nguyễn Thị L không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 82 Luật đất đai năm 2013.

Tại Văn bản ý kiến số 35/UBND-TCD ngày 05/3/2019 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp trình bày:

Theo hồ sơ địa chính, diện tích bà Nguyễn Thị L khiếu nại là đất ven sông S thuộc thửa đất chung do Nhà nước quản lý. Trong quá trình xác lập theo hồ sơ của ngành chức năng huyện T để giao đất cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý, thì bà Nguyễn Thị L vào cải tạo đất ven sông S để trồng lúa.

Ngày 17/12/2013, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2519/QĐ-UBND.NĐ về việc phê duyệt danh mục các thửa đất tổ chức đấu giá giao đất, cho thuê đất trên địa bàn huyện.

Ngày 15/4/2014, Bộ Quốc phòng ban hành Quyết định số 1232/QĐ-BQP về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường tuần tra biên giới tỉnh Đồng Tháp (giai đoạn năm 2014-2016).

Ngày 29/12/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 1352/QĐ-UBND-HC phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường tuần tra biên giới tỉnh Đồng Tháp (giai đoạn năm 2014-2016).

Năm 2015, bà Nguyễn Thị L có đơn khiếu nại yêu cầu bồi thường diện tích 1.100m² do thực hiện dự án Đường tuần tra biên giới tỉnh Đồng Tháp qua xã T.

Ngày 31/12/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1407/QĐ-UBND-NĐ giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L.

Bà Nguyễn Thị L không thống nhất với quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND huyện T và tiếp tục khiếu nại.

Ngày 23/10/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 337/QĐ-UBND-NĐ giải quyết giữ nguyên Quyết định số 1407/QĐ-UBND- NĐ ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện T.

Nay, bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp hủy Quyết định số 337/QĐ-UBND-NĐ ngày 23/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ Khoản 4, Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất đối với trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữ nguyên Quyết định số 337/QĐ-UBND-NĐ ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp.

Tại Văn bản trình bày ý kiến số 166/UBND-HC ngày 19/5/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T trình bày: Thống nhất với nội dung đã nêu tại Công văn số 93/UBND-HC ngày 12/8/2015 của Ủy ban nhân dân xã T trả lời cho bà L, không có ý kiến gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T cho rằng: Yêu cầu hủy Quyết định số 1407 của bà L là không có căn

cứ, bởi phần đất này Ủy ban nhân dân xã đã quản lý đất công trên bản đồ 299 từ năm 1991, qua xác minh của Ủy ban nhân dân Huyện thì không có căn cứ cho rằng bà L sử dụng đất trước 2004 nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như không đủ điều kiện để bồi thường.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thống nhất với ý kiến người bảo vệ cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc chấp hành theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Luật tố tụng hành chính và đề nghị đường lối xử lý là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, hủy các Quyết định số 1407/QĐ-UBND-NĐ ngày 31/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định số 337/QĐ-UBND-NĐ 3/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự; ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2] Về tố tụng:

[2.1] Năm 2015, bà Nguyễn Thị L khiếu nại đòi bồi thường đất do Nhà nước thu hồi làm dự án Đường tuần tra biên giới. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1407/QĐ-UBND-NĐ ngày 31/12/2015 giải quyết khiếu nại lần đầu. Bà L không đồng ý nên khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, ngày 23/10/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 337/QĐ-UBND-NĐ giải quyết khiếu nại lần hai. Ngày 21/11/2018, bà L khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy Quyết định 1407/QĐ-UBND-NĐ, Quyết định số 337/QĐ-UBND-NĐ. Xét khiếu kiện của bà L là loại khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 và 32 Luật tố tụng hành chính và đơn khởi kiện của bà L còn trong thời hiệu

khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với Văn bản số 93/UBND-HC ngày 12/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là văn bản hành chính có liên quan đến các Quyết định giải quyết khiếu nại bị kiện nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét đánh giá tính hợp pháp theo quy định tại khoản 1 điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

[2.3] Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp là ông Nguyễn Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt, xét là đúng theo quy định khoản 1 Điều 158 Luật tổ tụng hành chính nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung:

Xét Quyết định số 1407/QĐ-UBND-NC ngày 31/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) huyện T, Quyết định số 337/QĐ-UBND-NĐ ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp (gọi tắt là Quyết định số 1407, Quyết định số 337):

[3.1] Thẩm quyền ban hành:

Bà L khiếu nại đến UBND huyện T nên ngày 31/12/2015 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1407/QĐ-UBND.NĐ giải quyết khiếu nại lần đầu. Bà L không đồng ý khiếu nại tiếp tục đến UBND Tỉnh, ngày 23/10/2018 Chủ tịch UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 337/QĐ-UBND-NĐ giải quyết khiếu nại lần hai theo quy định tại khoản 1 Điều 18 và khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại 2011 là đúng thẩm quyền.

Đối với Văn bản số 93/UBND-HC ngày 12/8/2015 của Chủ tịch UBND xã T trả lời không xem xét bồi thường hỗ trợ theo yêu cầu của bà L là không đúng thẩm quyền theo quy định của Điều 17 Luật khiếu nại 2011. Vì Quyết định bồi thường hay không bồi thường về đất là thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, cấp tỉnh là cấp ban hành Quyết định thu hồi đất theo quy định tại Điều 66 Luật đất đai.

[3.2] Trình tự thủ tục:

Ngày 23/4/2015, bà L có đơn khiếu nại đến UBND huyện T nhưng UBND xã T có Văn bản số 93 ngày 12/8/2015 để trả lời khiếu nại là chưa đúng về trình tự. Ngày 16/12/2015, Chủ tịch UBND ban hành Quyết định 996/QĐ-UBND.HC giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại cho Phòng Tài nguyên

và Môi trường kết hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất làm rõ. Tuy nhiên, trước đó Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có các Biên bản làm việc các hộ dân ngày 16/9/2015, Biên bản đối thoại ngày 23/11/2015 của UBND xã và các ban ngành với các hộ dân, Biên bản xác định diện tích trúng Quy hoạch ngày 23/11/2015 và Báo cáo số 198/BC-TNMT ngày 29/12/2015 đề xuất giải quyết khiếu nại của bà L. Ngày 31/12/2015, Chủ tịch UBND ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại.

UBND không ra thông báo thụ lý đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND Huyện không tổ chức đối thoại mà giao UBND xã tổ chức đối thoại là không đúng với quy định của các Điều 5, 6, 7, 21 của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định về Quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Bà L không đồng ý với Quyết định của Chủ tịch UBND Huyện nên ngày 12/01/2016 có đơn khiếu nại đến UBND Tỉnh. Ngày 10/7/2015, Chủ tịch UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 654/QĐ-UBND-HC giao nhiệm vụ xác minh cho Sở Tài nguyên và Môi trường, ngày 16/6/2017 Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 185/QĐ-STNMT xác minh nội dung khiếu nại, đồng thời tiến hành làm việc với bà L ngày 06/7/2017 và những người làm chứng là ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L1, UBND xã T, sau đó có Báo cáo số 116/BC-STNMT ngày 09/4/2018 gửi Chủ tịch UBND Tỉnh, ngày 14/8/2018 Chủ tịch Tỉnh tổ chức đối thoại. Ngày 23/10/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 337/QĐ-UBND-NĐ giải quyết khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị L. Xét về trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 337 là đúng theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11, 18, 21 của Thông tư số 07/TT/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định về Quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Về thời hạn giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND có vi phạm vào các Điều 28, 37 của Luật khiếu nại 2011.

[3.3] Nội dung Quyết định số 1407, Quyết định số 337:

Dự án đường tuần tra biên giới được Bộ Quốc phòng phê duyệt ngày 15/4/2014 theo Quyết định số 1232/QĐ-BQP, theo đó UBND Tỉnh ban hành Văn bản số 798/UBND-KTN ủy quyền cho UBND huyện T ban hành quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án. Ngày 18/9/2015, UBND huyện T ban hành

Quyết định số 760/QĐ-UBND-NĐ thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh. Tổng diện tích là 52.098,4m² tổ chức quản lý (bao gồm: đất UBND xã T quản lý: 14.463,3m², đất giao thông thủy lợi: 37.635,1m²). Phần đất của bà L theo đo đạc ngày 20/11/2015 là 1.047,8m² (nằm trong đất do UBND xã T quản lý).

Phần đất này bà L cho rằng khai mở trên 2.500m² đất sản xuất lúa và hoa màu dọc bờ sông S từ năm 2002, có xác nhận của người làm chứng là ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T và ông Phạm Văn T biết bà L khai mở đất từ năm 2002. Các xác nhận này được bà L cung cấp cho UBND Huyện trong quá trình khiếu nại nhưng UBND Huyện không xác minh, làm việc trực tiếp với họ để làm rõ xem có hay không về quá trình sử dụng đất mà chỉ căn cứ vào các Biên bản xác minh của UBND xã T đối với ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn D1, ông Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Văn T1 để cho rằng bà L chỉ mới sử dụng đất từ năm 2012 là chưa đủ cơ sở. Mặt khác, sau khi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm tra, xác minh thì các hộ lân cận là ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L1 (các Biên bản làm việc ngày 27/7/2017) xác định phần đất của bà L là khai mở làm rẫy từ đường vành đai ra giáp sông S từ năm 2004, đồng thời trong Biên bản làm việc ngày 15/9/2017 UBND xã T xác định một số hộ dân sinh sống giáp sông S khai phá đồn ma dương trồng màu và UBND không có xử lý vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất.

Việc UBND cho rằng bà L thuộc dạng: không đủ điều kiện được bồi thường về đất và những trường hợp thu hồi đất không được bồi thường theo khoản 1 điều 75 và Điều 82 Luật đất đai 2013 là chưa đủ cơ sở.

Tại khoản 2 Điều 77 Luật đất đai quy định: “Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 1-7-2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của luật này” và bà L là người sử dụng đất từ năm 2004 không ai tranh chấp, sử dụng đất trước khi UBND ban hành Quyết định số 2519/QĐ-UBND.NĐ ngày 17/12/2013 về việc phê duyệt danh mục các thửa đất tổ chức đấu giá giao đất

cho thuê đất trên địa bàn huyện (có danh sách kèm theo) trong đó có phần đất dọc ven sông S thuộc xã T, UBND xã cũng không lập biên bản về việc sử dụng đất trái pháp luật, bà L là người sử dụng đất thỏa mãn theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai 2013, Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho nên phần đất của bà L có căn cứ để được xem xét bồi thường.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét khởi kiện của bà Nguyễn Thị L yêu cầu hủy Quyết định số 1407/QĐ-UBND-NC ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện T, Quyết định số 337/QĐ-UBND-NĐ ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

Đối với Văn bản số 93 của Chủ tịch UBND xã T là văn bản được ban hành trái thẩm quyền, chứa đựng quyết định hành chính có liên quan đến các Quyết định số 1407, 337 nên cần thiết phải hủy là phù hợp với khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

[5] Tại phiên tòa, xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do các Quyết định hành chính bị hủy nên Chủ tịch UBND huyện T và Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, điểm a, khoản 2 Điều 116, khoản 1 điều 158, Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 77, Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 17, Điều 18, Điều 21, Điều 28, Điều 37 Luật khiếu nại 2011;

Căn cứ vào quy định tại Điều 13 Nghị định số 47/2012/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11, 18, 21 Thông tư số: 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.
- Hủy các quyết định hành chính sau đây: Văn bản số 93/UBND-HC ngày 12/8/2015 của Chủ tịch UBND xã T, Quyết định số 1407/QĐ-UBND-NC ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện T, Quyết định số 337/QĐ-UBND-NĐ ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp.
- Buộc Chủ tịch UBND huyện T, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.
- Về án phí: Chủ tịch UBND huyện T, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm nên được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000415 ngày 07/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, THC (Nhi).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Trúc Phương

